

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội khoá XI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc Hội khoá X, kỳ họp thứ 10.

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính Phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 4260/QĐ/BNN-TCCB ngày 30 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 15/ 2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài Chính Về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm giao dịch Chứng khoán .

Chúng tôi, những cổ đông sáng lập (có danh sách kèm theo) tham dự Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công Nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao Su đã nhất trí thông qua nội dung bản sửa đổi bổ sung Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong Điều lệ này.

Chương I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1 : Định nghĩa

1. **Công ty** là Công ty cổ phần Công Nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
2. **Vốn điều lệ** là số vốn do tất cả các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.
3. **Vốn có quyền biểu quyết** là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết trong Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).

4. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông có đủ các điều kiện sau:

4.1. Tham gia xây dựng thông qua và ký tên vào bản Điều lệ lần đầu của Công ty.

4.2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

4.3. Nếu là cổ đông thể nhân sở hữu số cổ phần tối thiểu bằng 0,4 % vốn điều lệ Công ty, cổ đông pháp nhân sở hữu số cổ phần tối thiểu bằng 2 % vốn điều lệ công ty.

5. **Cổ phần phổ thông** là một đơn vị của vốn điều lệ của Công ty, có mệnh giá là 10.000 đồng và cho phép người nắm giữ có các quyền được quy định tại Điều 19 của bản Điều lệ này.

6. **Cổ tức** là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

7. **Người quản lý Công ty** gồm thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty, Ban giám đốc và Kế toán trưởng các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc, công ty con, các Trưởng Phó phòng công ty, Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Trung tâm.

8. **Người có liên quan** là vợ, chồng, bố (cha), bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý Công ty.

9. **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội Khóa XI nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC ,TRỤ SỞ, CHI NHÁNH ,VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .

Điều 2 : Tên và hình thức của Công ty, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của công ty .

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

Tên đối ngoại : **RUBBER INDUSTRY AND IMPORT - EXPORT
JOINT - STOCK CORPORATION**

Tên gọi tắt : **RUBICO**

2. Hình thức : Công ty cổ phần Công Nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3. Trụ sở, Chi nhánh và địa bàn hoạt động của Công ty

1. Trụ sở chính : 64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP HCM

- Điện thoại : 84.8. 9327173 – 9321214

- Fax : 84.8. 9327171

- E-mail : rubico@hcm.vnn.vn

- Web : www.rubico.com.vn

2. Các đơn vị trực thuộc:

❖ Xí nghiệp Chế Biến Gỗ Đông Hòa

Địa chỉ : Khu phố Thống Nhất, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

❖ Xí nghiệp Tam Phước

Địa chỉ: Đường số 7 KCN Tam Phước, Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

❖ Xí nghiệp Cao Su Kỹ Thuật Tam Hệp

Địa chỉ: Đường số 3, Khu CN Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.

❖ Công ty TNHH TM & Địa Ốc Hồng Phúc

Địa chỉ: 50-52 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

❖ Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3. Địa bàn hoạt động: Trong và Ngoài nước.

4. Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, chi nhánh, công ty con, trung tâm, văn phòng đại diện, cửa hàng ... ở trong nước và ở nước ngoài theo các quy định hiện hành của pháp luật.

5. Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh theo luật định .Công ty có thể rút ngắn thời gian hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo luật định.

6. Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 31 của Điều lệ này .

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3 : Tư cách pháp lý

1. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Công ty có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
4. Công ty thực hiện hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.
5. Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4 : Mục tiêu và ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Mục tiêu:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ nhằm mang lại lợi nhuận ngày càng cao, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong đơn vị, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước.

2. Ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trồng cây cao su.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Khai thác gỗ.
- Khai thác lâm sản khác
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Sản xuất gỗ xây dựng.

- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác.
- Gia công, sản xuất, mua bán đế giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su (giày dép, bao bì).
- Đại lý
- Buôn bán nông lâm sản nguyên liệu khác.
- Buôn bán giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự.
- Buôn bán MMTB và phụ tùng khác.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Buôn bán tổng hợp.
- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Xây dựng nhà các loại

Công ty có thể mở rộng, thu hẹp, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ TỨC

Điều 5 : Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc hiện vật được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam.
2. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.
3. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập được xác định là 50.000.000.000 đồng Việt Nam (Năm mươi tỷ đồng) được chia thành 5.000.000 (Năm triệu) cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam).
4. Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm thành lập được phân loại như sau :
 - 4.1. Vốn thuộc sở hữu Nhà nước 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần, chiếm 58% vốn điều lệ.
 - 4.2. Vốn của người lao động trong Doanh nghiệp: 8.000.000.000 đồng được chia thành 800.000 cổ phần, chiếm 16% vốn điều lệ.
 - 4.3. Vốn của các đối tượng ngoài Doanh nghiệp: 13.000.000.000 đồng được chia thành 1.300.000 cổ phần, chiếm 26% vốn điều lệ.Vốn điều lệ những lần thay đổi sau thời điểm thành lập, sẽ được ghi nhận theo giấy phép đăng ký kinh doanh mới nhất.
5. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động:
 - 5.1. Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động kinh doanh hoặc mở rộng qui mô hoạt động của Công ty.
 - 5.2. Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - 5.3. Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế.
 - 5.4. Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.
 - 5.5. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

- 5.6. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, không trái pháp luật).
7. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết bằng cách :
- 7.1. Tăng vốn góp của các thành viên thông qua việc gửi lại lợi nhuận để chuyển thành cổ phần cho các cổ đông hoặc góp vốn bổ sung.
- 7.2. Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới thông qua việc phát hành cổ phiếu mới.
8. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giảm vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp:
- 8.1. Hoàn trả một phần vốn góp của các thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong điều lệ công ty với điều kiện công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 8.2. Điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của công ty.
- Ngoài ra Vốn điều lệ của Công ty có thể tăng hay giảm theo tình hình hoạt động của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán .

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi danh và không ghi danh. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- * Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
 - * Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - * Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - * Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần.
 - * Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân.
 - * Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

- * Chữ ký mẫu người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.
 - * Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.
 3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau :
 - * Cổ phiếu thực sự bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, trường hợp bị mất cam đoan nếu tìm kiếm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy.
 - * Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai, có đủ các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - 1.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 1.3. Tổng số cổ phần đã bán từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - 1.4. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - 1.5. Có mã số riêng cho từng cổ đông.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của HĐQT Công ty.
2. Cổ phần bán với giá ưu đãi theo phương thức trả chậm cho người lao động chỉ được chuyển nhượng kể từ khi trả hết nợ cho Nhà nước.
3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Sau khi cổ phần được bán công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người đã chuyển nhượng số cổ phần của mình.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phiếu chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
5. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và pháp luật có qui định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Sở giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán.
6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
7. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo qui định sau đây:
 - 7.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ.
 - 7.2. Thông báo phải qui định rõ số cổ phần và số cổ phần cổ đông được quyền mua ,giá chào bán ,thời hạn đăng ký mua.Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua và sẽ giao cho HĐQT phân phối cho các cổ đông khác theo cách thức hợp lý.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Tất cả cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu. Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên tài khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo qui định tại các Khoản 4, 5, và 6 và trong các trường hợp khác được qui định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty .Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó ,nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán .Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo .

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
2. Hội đồng quản trị (HĐQT)
3. Tổng Giám đốc điều hành
4. Ban Kiểm soát

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11: Quyền lợi của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
2. Cổ đông có các quyền cơ bản sau đây:
 - 2.1. Được tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này. Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - 2.2. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo mức quyết định của ĐHĐCĐ.
 - 2.3. Khi Công ty phát hành cổ phiếu mới được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ% tương ứng với cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - 2.4. Được mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với các qui định của pháp luật.
 - 2.5. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản theo luật định, được nhận một phần tài sản còn lại theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các khoản nghĩa vụ theo pháp luật qui định.
 - 2.6. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.
 - 2.7. Cổ đông can án hoặc phá sản mà vụ việc không liên quan trực tiếp đến Công ty vẫn được tiếp tục hưởng các quyền lợi ở Công ty tương ứng với số cổ phần mình đang sở hữu trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi.

2.8. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

3.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định Điều lệ này. Danh sách người được đề cử phải nêu rõ tên cổ đông đề cử, số cổ phần từng loại của cổ đông đó, lý lịch trích ngang người được đề cử.

3.2. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

3.3. Xem và nhận bản sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông nói trên.

3.4. Quyền được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động Công ty. Được yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân. Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân : Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

Điều 12 : Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có trách nhiệm nộp đủ số tiền mua cổ phần và phải mua hết số cổ phần đã đăng ký.

2. Chấp hành Điều lệ của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp của mình.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp và hoạt động của Công ty.

6. Trong kỳ hoạt động của Công ty đã ghi trong giấy phép, các cổ đông không được rút vốn cổ phần, trừ trường hợp công ty cổ phần giải thể hoặc đã

được HĐQT thông qua. Việc rút vốn chỉ được thực hiện thông qua phương thức chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông khác hoặc bán cho Công ty theo Điều 8 của Điều lệ.

7. Sự vỡ nợ hay can thiệp của cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhưng cổ đông phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Công ty.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm: ĐHĐCĐ thành lập, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường.

2. ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường hợp lệ là khi có số cổ đông tham dự đại hội nắm giữ từ 65% vốn điều lệ Công ty trở lên (kể cả số cổ phần được ủy quyền).

2.1. Trường hợp tổ chức lần thứ nhất nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 65% vốn điều lệ thì HĐQT sẽ tổ chức lần hai trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất.

2.2. ĐHĐCĐ tổ chức lần hai hợp lệ là khi có số cổ đông tham dự đại hội nắm giữ từ 51% vốn điều lệ Công ty trở lên (kể cả số cổ phần ủy quyền).

2.3. Trường hợp tổ chức lần hai nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 51% vốn điều lệ thì HĐQT sẽ tổ chức lần ba trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày triệu tập lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

3. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1.ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ thường niên :

- 2.1. Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban Kiểm soát.
- 2.2. Thông qua đề nghị HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.
- 2.3. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.
- 2.4. Thông qua phương án sử dụng tài sản của Công ty, phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ đã giao Hội đồng quản trị.
- 2.5. Biểu quyết tăng hoặc giảm vốn điều lệ và phát hành các loại cổ phiếu để huy động vốn.
- 2.6. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
- 2.7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT thành viên Ban Kiểm soát theo qui định của Điều lệ.
- 2.8. Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi.
- 2.9. Quyết định mức thù lao và các quyền lợi đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát; xem xét và xử lý sai phạm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc gây ra cho Công ty.
- 2.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường: Trường hợp phát sinh những vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau đây:

Theo quyết định của HĐQT.

Ít nhất 2/3 thành viên Hội Đồng quản trị.

Theo quyết định của Ban Kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Theo yêu cầu của Cổ đông sáng lập hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.1. Quyết định xử lý những vấn đề bất thường.

- 2.2. Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát vi phạm luật pháp, Điều lệ, gây thiệt hại cho Công ty.
- 2.3. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- 2.4. Biểu quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ.
- 2.5. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

Điều 17: Thể thức triệu tập và tiến hành các ĐHĐCĐ

1. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày cho các cổ đông có quyền dự họp đối với ĐHĐCĐ.
2. Thông báo mời họp phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu. Thông báo họp ĐHĐCĐ có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng Khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng Khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo Trung ương hay báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đăng ký của cổ đông có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, bản dự thảo

chương trình nghị sự và các tài liệu thảo luận liên quan đến nội dung cuộc họp và địa điểm họp đại hội.

3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo qui định hoặc ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng có thẩm quyền được qui định tại Điều lệ này.
4. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ bất thường. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 3- Điều 11 có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát để triệu tập ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.
5. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ.
6. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của Cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
7. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa. Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một ủy viên HĐQT làm chủ tọa.
8. Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó làm Chủ tọa.
9. Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.

Điều 18: Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Khi có quyết định triệu tập ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ này và dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông nói trên dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ thường trú (đối với cổ đông là cá nhân); tên và trụ sở (đối với cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức); số lượng cổ phần mỗi loại từng cổ đông.

Điều 19: Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình , nội dung và tài liệu cho cuộc họp.
2. Cổ đông sáng lập hoặc nhóm cổ đông quy định của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (Ba) ngày trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị tại Khoản 2 Điều này nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Kiến nghị gửi không đúng thời hạn hoặc không có đủ thông tin, không đúng nội dung.
 - 3.2. Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hoặc những trường hợp khác với qui định trong Điều lệ này.

Điều 20: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trong hai phương thức sau:

1. Thông qua nghị quyết tại đại hội:

Biểu quyết tại đại hội phải công khai, trực tiếp và không nhất thiết phải bỏ phiếu kín. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua tại đại hội khi:

 - 1.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 1.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Thông qua quyết định ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp thông qua thư tín hoặc Fax thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 75% tổng số phiếu được quyền biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua nghị quyết, Hội đồng quản trị cần tiến hành các công việc sau:

 - 2.1. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề, hình thức nội dung cần lấy ý kiến.

2.2. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tất cả các tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ.

2.3. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty.

3. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày quyết định được thông qua và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả với số cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 21: Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người khác đại diện tham dự ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1-Điều 18 của Điều lệ này.
2. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử, ứng cử với tư cách cá nhân. Người được ủy quyền phải xuất trình văn bản được ủy quyền cho Công ty chậm nhất là 3 ngày trước ngày khai mạc đại hội mới được thực hiện quyền hạn được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông Công ty.
4. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được HĐQT, Giám đốc hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký tên, đóng dấu.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng HĐQT chậm nhất là 24 giờ trước giờ khai mạc.

Điều 22 : Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ.
 - 1.2. Chương trình làm việc.
 - 1.3. Chủ tọa và Thư ký.
 - 1.4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.

- 1.5. Các vấn đề thảo luận, biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua.
- 1.6. Tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
- 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết
- 1.8. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT.

Điều 23: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông sáng lập, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau :
 2. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 3. Nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 24: Hội đồng Quản trị Công ty

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 02 nhiệm kỳ Đại hội đồng Cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

1.1. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị không quá 5 năm, số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 người. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

1.2. Việc thay thế hoặc bổ sung thành viên HĐQT phải có tính kế thừa, đảm bảo trong HĐQT có ít nhất 1/3 thành viên cũ.

1.3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước trong Công ty.

1.4. Chủ tịch HĐQT được HĐQT bầu và bãi miễn với đa số phiếu trên 75% bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai, mỗi thành viên HĐQT có 01 phiếu biểu quyết.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật định;

2.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên HĐQT không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2.4 Ủy viên HĐQT là những ứng viên có số phiếu tín nhiệm cao nhất đến thấp nhất trong số các ứng cử đủ điều kiện được ĐHĐCĐ bầu bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín, nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện ít nhất **65%** số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành. Trường hợp các ứng cử viên có số phiếu tín nhiệm bằng nhau thì sẽ chọn ứng cử viên sở hữu cổ phần nhiều hơn.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về đại hội đồng cổ đông.

2. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

3. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty, các phương án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Duyệt dự toán và quyết toán các công trình đầu tư.

4. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu Công ty, định giá tài sản để góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

6. Quyết định mua lại không vượt quá 10% số cổ phần đã bán từng loại.

7. Bổ nhiệm, bãi miễn, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (hay trưởng phòng kế toán) của Công ty. Quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty thì mức lương và thưởng của Tổng Giám đốc do ĐHĐCĐ quyết định.
8. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
9. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập hoặc giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài.
10. Quyết định các kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ SXKD do Tổng Giám đốc Công ty đề xuất.
11. Quyết định ban hành các quy chế về: Tài chính, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
12. Ấn định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền; phương án xử lý các khoản lỗ xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty.
13. Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của HĐQT.
14. Các quyền hạn khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh Nghiệp.

Điều 26: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được HĐQT bầu ra trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - 2.1. Chủ tọa cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ.
 - 2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
 - 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho các phiên họp của HĐQT, triệu tập họp và chủ trì các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT.
 - 2.4. Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.5. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác ngoài hình thức cuộc họp.

2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 27: Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những việc sau:

1. Sau khi được ĐHĐCĐ bầu, HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp của Công ty (hoặc HĐQT tiền nhiệm). HĐQT hoàn tất các công việc còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.

2. Quản trị Công ty theo đúng luật pháp Nhà nước, Điều lệ và quyết định của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho Công ty.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

4. Khi có yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban Kiểm soát, các cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo Điều lệ này.

5. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

6. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề sau:

6.1. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Tăng, giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.

6.2. Kiến nghị các chiến lược và kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty, chiến lược và kế hoạch huy động vốn.

6.3. Báo cáo hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức.

6.4. Kiến nghị mức cổ tức được trả, thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

6.5. Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ Công ty. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

7. Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28: Hoạt động, Biên bản họp, Miễn nhiệm, Bãi nhiệm, Bổ sung thành viên HĐQT của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. HĐQT họp một quý ít nhất một lần. Trong trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 03 tháng. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của :

2.1. Chủ tịch HĐQT.

2.2. Ít nhất 2/3 thành viên HĐQT.

2.3. Trưởng Ban Kiểm soát.

2.4. Tổng Giám đốc.

3. Các hình thức khi thông qua quyết định của HĐQT.

3.1. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp và lập biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc bằng cách hỏi ý kiến thông qua thư tín hoặc fax.

3.2. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu:

- Cuộc họp HĐQT họp lệ khi ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

- Được trên 51% số thành viên dự họp (có mặt hoặc ủy quyền) đồng ý. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

- Trường hợp có phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

4. Thành viên HĐQT có thể chỉ định một thành viên HĐQT khác tham dự một phiên họp HĐQT và bầu cử thay mình. Việc chỉ định này phải được lập thành văn bản và trao cho Chủ tịch HĐQT trước cuộc họp. Mỗi thành viên HĐQT chỉ được đại diện cho một thành viên HĐQT vắng mặt.

5. Mỗi quyết định, nghị quyết của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào biên bản và phải được thông qua mọi thành viên tham

dự với đầy đủ chữ ký của Chủ toạ, Thư ký phiên họp và các thành viên dự họp. Chủ toạ và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

6. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm: Chủ tịch và một ủy viên giải quyết các công việc hàng ngày. Thường trực HĐQT phải am hiểu ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các lĩnh vực có liên quan. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có quyền ủy quyền bằng văn bản cho Ủy viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản lý Công ty.

7. Cơ quan thường trực của HĐQT được hưởng lương theo qui định của HĐQT. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.

2. Biên bản họp HĐQT phải nêu rõ ít nhất các nội dung sau đây:

2.1. Thời gian và địa điểm họp.

2.2. Họ tên thành viên tham dự.

2.3. Chương trình họp.

2.4. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết.

2.5. Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.

2.6. Các quyết định đã được HĐQT thông qua.

3. Chủ tịch và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc Cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi cho HĐQT Công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp lại để xem xét và quyết định.

2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau :

2.1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2.2. Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận.

- 2.3. Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành trách nhiệm theo Điều lệ này.
 - 2.4. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh Nghiệp.
 - 2.5. Vi phạm những điều kiện đã quy định tại Khoản 3 -Điều 24.
 - 2.6. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên HĐQT còn lại không đủ 2/3 số người thì các thành viên này phải cùng Trưởng Ban Kiểm soát cử ngay một người trong số các thành viên HĐQT còn lại đảm nhận công việc của Chủ tịch HĐQT và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu đủ số lượng vào các chức danh HĐQT.

Chương VIII

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 29: Bộ máy điều hành Công ty

Bộ máy điều hành Công ty gồm có:

- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phó phòng Công ty.
- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng các xí nghiệp, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

Điều 30: Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội Đồng Quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT.
2. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám đốc thì HĐQT có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ một trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê người khác.
3. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm phải đạt từ 75% số phiếu tín nhiệm trở lên của Hội đồng quản trị và sở hữu ít nhất 0,4% vốn điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày, thay mặt Công ty ký kết tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác.

Điều 31: Nhiệm vụ, quyền hạn và từ nhiệm, Bỏ nhiệm, miễn nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Tuy nhiên Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu các quyết định này trái với pháp luật, các quyết định của ĐHCĐ và Điều lệ Công ty.
3. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
4. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
5. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình HĐQT.
6. Quyết định tất cả các vấn đề không phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
7. Xây dựng và đệ trình các quy chế thẩm quyền của HĐQT, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.
8. Ban điều hành công ty được phép đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), riêng đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý phải thông qua HĐQT.
9. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để trình HĐQT.
10. Ban hành các quyết định, tổ chức, điều hành phối hợp và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của HĐQT đề ra. Đề xuất với HĐQT cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình.

11. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Phân công và ủy nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

12. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự ĐHCĐ do HĐQT hoặc Ban Kiểm soát yêu cầu.

13. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc có biến động lớn trong Công ty.

14. Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố ... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

15. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị ủy nhiệm.

16. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội Đồng Quản Trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT xem xét và quyết định.

17. Tổng Giám đốc có thể bị cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

18. Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

19. Từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận.

20. Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, các quyết định của ĐHCĐ, HĐQT và Điều lệ Công ty.

21. Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

22. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.

23. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

24. Việc cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải có sự nhất trí ít nhất của 75% số thành viên HĐQT dự họp.

25. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Tổng Giám

đốc. Trong thời hạn tối đa 30 (Ba mươi) ngày, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Chương IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một(hoặc nhiều) người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị công ty có thể bãi nhiệm Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các qui định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- b. Làm biên bản các cuộc họp.
- c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 33: Trách nhiệm của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương pháp mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi

ích cho Công ty vì mục đích cá nhân , đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nhiệm vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay ,bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc , cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác .

Điều 35: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1.**Trách nhiệm về thiệt hại :** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng , mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra .

2.**Bồi thường:** Công ty sẽ bồi thường cho những người đã,đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại,kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự , hành chính, nếu người đó hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị cán bộ quản lý , nhân viên hoặc là đại diện được công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý,

khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương pháp mà người đó tin tưởng rằng đó là lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã

vi phạm những trách nhiệm của mình, Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương X **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 36: BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát có từ 03 (Ba) đến 5 (Năm) thành viên và trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín. Kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ .
2. Ban Kiểm soát là người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc.
3. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
4. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát :
 - 4.1. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán Trưởng Công ty và những người có liên quan với các chức danh này.
 - 4.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì vi phạm các tội danh theo luật định.
5. Ban Kiểm soát tự bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.
6. Ban Kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
7. Các chi phí cho hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 37: Nhiệm vụ và quyền hạn, Từ chức, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Bổ sung thành viên của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát.
2. Mỗi thành viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau :
 - 2.1. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, các sổ sách quan trọng khác như: Sổ danh sách cổ đông, sổ ghi biên bản họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT,.. và kiến nghị xử lý khắc phục các sai phạm (nếu có).
 - 2.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong các trường hợp :
 - 2.2.1 Khi các thành viên Ban Kiểm soát xét thấy cần thiết.
 - 2.2.2 Khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.2.3 Khi có yêu cầu của HĐQT.
 - 2.2.4 Khi có yêu cầu của cổ đông sáng lập, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3- Điều 11 của Điều lệ này.
 - 2.3. Việc kiểm tra quy định tại các Điểm 2.1, 2.2 Khoản 2 nêu trên không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không được gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày Công ty.
 - 2.4. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.5. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông:
 - 2.5.1. Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác.
 - 2.5.2. Về tính trung thực, hợp pháp, tính tuân thủ điều lệ việc ban hành các quy chế về các quyết định quản lý, điều hành hoạt động Công ty.
3. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.Được quyền yêu cầu các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

6. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và ĐHĐCĐ về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).

7. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

8. Ban Kiểm soát, từng thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

9. Có các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Từ chức, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có sự nhất trí của các thành viên còn lại.

2.Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang làm thành viên của Ban Kiểm soát thì phải gửi văn bản về Ban Kiểm soát và HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất bầu thay thế.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT được qui định.

4. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, thì hai thành viên còn lại sẽ thảo luận đề cử một trong hai thành viên đó tạm thời thay thế. Khi khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung Ban Kiểm soát.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ giấy tờ.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí Trường hợp công ty có Website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên Website đó.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39: Công nhân viên và Công đoàn .

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ

và chính sách quy định tại điều lệ, các quy chế của công ty và qui định pháp luật hiện hành.

Chương XIII **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Điều 40: Cổ tức

1. Cổ tức là số tiền được trích từ lợi nhuận hàng năm của Công ty trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

2. Hàng năm công ty chi trả cổ tức theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về việc trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phiếu phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

5. Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết qui định ngày giờ cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty. Căn cứ theo ngày đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc thời điểm trước khi các quyền đó được thực hiện.

Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41: .Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1. Lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí.

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập DN.

2. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính được sử dụng như sau :

2.1. Trích quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.

2.2. Còn lại 95 % lợi nhuận sau thuế được sử dụng như sau :

- Bù các khoản lỗ của các năm trước (nếu có)
- Lập quỹ Phát triển sản xuất kinh doanh.
- Lập quỹ Khen thưởng.

- Lập quỹ Phúc lợi.

- Trả cổ tức cho các cổ đông.

3. Tỷ lệ trích lập các Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ tùy theo tình hình hiệu quả kinh doanh hàng năm.

4. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận sau thuế bao gồm:

4.1 Quỹ khấu hao tài sản cố định do HĐQT quyết định.

4.2 Các quỹ khác do ĐHĐCĐ quyết định.

5. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các qui định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản tiền vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo qui định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ công ty.

Điều 44: Năm tài khóa

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 45: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài Chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XV

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 46: Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
2. Công ty phải chấp hành công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, Ban Kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.

4. Cuối mỗi năm tài chính HĐQT và Ban Kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ bao gồm:

Bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Thuyết minh báo cáo tài chính.

4.5. Các báo cáo tổng hợp khác.

5. Công ty lập báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các qui định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo địa phương và một tờ thời báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

7. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của công ty, tại trụ sở chính của công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những qui định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48: Kiểm toán

1. Tại đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước chấp nhận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị (Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan kiểm toán.

Chương XVII

CON DẤU

Điều 49: Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo qui định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50: Tổ chức lại

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo Luật định.
2. HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 51: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có qui định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một số các căn cứ sau :

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo qui định của Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội đồng cổ đông.

Điều 53: Thanh lý

1. Khi Công ty có quyết định giải thể, ĐHĐCĐ lập Hội đồng Thanh lý thay thế Hội đồng Quản trị để cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý tài sản Công ty. Trình tự thủ tục thanh lý và phân chia tài sản còn lại của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, Hội đồng thanh lý và Ban Kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54 : Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong các giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Các tranh chấp trong nội bộ Công ty hoặc tranh chấp với các pháp nhân và thể nhân khác, trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên liên quan. Trường hợp thương lượng không thành thì người khiếu nại có quyền chuyển cho cơ quan pháp luật giải quyết.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác chi phối.
2. Chỉ có ĐHĐCĐ mới được thông qua các Điều lệ sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ này.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và biểu quyết cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được thành lập 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó :
 - 2.1. 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương

2.2. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo qui định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

2.3. 04 bản lưu trữ văn phòng công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57: Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2011

Người đại diện theo Pháp luật

(Đã ký)

Trần Công Bình